TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2025/HS-PT
Ngày 11 tháng 02 năm 2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tiến
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông
Ông Đặng Đình Lực.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Thành, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1208/2024/TLPT-HS ngày 22 tháng 10 năm 2024, do có kháng cáo của bị cáo, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 448/2024/HSST ngày 14/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

1. Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị Mai T, sinh năm 1997; giới tính: Nữ; ĐKNKTT và nơi ở: Số B ấp P, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai, quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: tự khai 10/12; con ông Nguyễn Văn K (đã chết) và bà Mai Thị T1, sinh năm 1954; có chồng là Nguyễn Xuân D, sinh năm 1989 và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ nhất sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: 01 án tích ngày 24/02/2016, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (đã xóa án); hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt.

2. Người bào chữa cho bị cáo:

- Bào chữa theo yêu cầu: Ông Nguyễn Phúc L, Luật sư Văn phòng L1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ; vắng mặt.

- Bào chữa theo chỉ định của Tòa án: Ông Nguyễn Trọng V, Luật sư Công ty L2 nhìn V I E T S, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

3. Bị hại không kháng cáo, được Tòa án triệu tập: Chị Nguyễn Thị Ngọc D1, sinh năm 1998; trú tại: Căn hộ A, R6A R, G N, phường T, quận T, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Mai T là người kinh doanh các loại quần áo, giày dép, túi xách đã qua sử dụng trên mạng xã hội. T sử dụng tài khoản facebook "Anna Nguyen" để bán hàng online. Khoảng đầu năm 2022, thông qua việc mua bán túi xách, trang sức đã qua sử dụng trên mạng xã hội, chị Nguyễn Thị Ngọc D1 quen biết với Nguyễn Thị Mai T, chị D1 có nhờ T bán hộ một số chiếc túi xách nữ hàng hiệu đã qua sử dụng, T đồng ý. T và chị D1 thỏa thuận, chị D1 gửi hình ảnh túi xách cần bán kèm theo giá bán cho T, T sẽ rao bán trên mạng xã hội Facebook hoặc ký gửi để người khác bán hộ, số tiền bán được T sẽ thanh toán cho chị D1 tương ứng với giá do chị D1 đưa ra, nếu bán được giá cao hơn thì T sẽ được hưởng. Việc thanh toán tiền giữa T và chị D1 được thực hiện thông qua tài khoản số 86689898 mở tại Ngân hàng V2 của chị Nguyễn Thị Ngọc D1 và tài khoản số 0121000831306 mở tại Ngân hàng V3 của Nguyễn Thị Mai T. Sau đó, từ đầu năm 2022 đến tháng 7/2022 chị D1 đã nhiều lần nhờ T bán hộ túi xách, tổng số tiền T phải trả cho chị D1 là 720.000.000 đồng nhưng T chưa trả chị D1.

Khoảng đầu tháng 8/2022, chị D1 tiếp tục nhờ T bán hộ 11 chiếc túi xách với tổng số tiền chị D1 và T thỏa thuận là 770.000.000 đồng, cụ thể:

1. Túi Chanel hộp nhỏ, chị D1 nhờ T bán giá 38.000.000 đồng, T đã bán cho chị Nguyễn Hữu T2 (sinh năm 1985; địa chỉ: Chung cư H, đường C, Phường A, quận A, thành phố Hồ Chí Minh) với giá 44.000.000 đồng.

2. Túi Chanel Gabrielle da trăn, chị D1 nhờ T bán giá 69.000.000 đồng, T đã bán cho người khác (hiện chưa xác định được người mua).

3. Túi Chanel đây ngọc trai trắng, chị D1 nhờ T bán giá 69.000.000 đồng. T đã bán cho người khác (hiện chưa xác định được người mua).

4. Túi Chanel tròn nhũ, chị D1 nhờ T bán giá 59.000.000 đồng, T đã bán cho chị Nguyễn Thị Thanh T3 (sinh năm 1991; địa chỉ: Số C B, Phường A, Quận D, TP Hồ Chí Minh), hiện không xác định được giá bán.

5. Túi Clutch Chanel tua rua, chị D1 nhờ T bán với giá 85.000.000 đồng, T đã bán cho chị Nguyễn Thị Thanh T3 với giá khoảng 80.000.000 đồng.

6. Túi Clutch Jimmy C, chị D1 nhờ T bán giá 13.000.000 đồng, T đã bán cho chị Nguyễn Thị Thanh T3 với giá khoảng 10.000.000 đồng.

7. Túi Chanel Mini 8 da trăn, chị D1 nhờ T bán giá 98.000.000 đồng, T đã bán cho chị Nguyễn Thị Thanh T3 với giá khoảng 70.000.000 đồng.

8. Túi Chanel tròn dạ màu ghi, chị D1 nhờ T bán với giá 55.000.000 đồng, T đã bán cho chị Nguyễn Thị Thanh T3 với giá khoảng hơn 40.000.000 đồng.

9. Túi Chanel đựng card, chị D1 nhờ T bán với giá 50.000.000 đồng, T bán cho chị Nguyễn Thị Thanh T3 với giá 50.000.000 đồng.

10. Túi Chanel Boy da trăn, chị D1 nhờ T bán với giá 98.000.000 đồng, T đã bán cho chị Nguyễn Thị Thanh T3 với giá khoảng hơn 80.000.000 đồng.

11. Túi Chanel Boy vảy cá, chị D1 nhờ T bán với giá 90.000.000 đồng, T đã bán cho chị Nguyễn Hữu T2 với giá 95.000.000 đồng.

Số tiền thu được từ việc bán 11 chiếc túi xách của chị D1, T không trả lại cho chị D1.

Ngày 09/8/2022, T hỏi vay chị D1 số tiền 700.000.000 đồng và hẹn 02 ngày sau sẽ trả lại chị D1 số tiền 715.000.000 đồng (gồm tiền gốc và 15.000.000 đồng tiền lãi), chị D1 đồng ý và chuyển khoản vào tài khoản cho T số tiền 700.000.000 đồng.

Ngày 10/8/2022, T biết được thông tin một người phụ nữ tên T4 (hiện đang sinh sống tại Cộng hòa liên bang Đức) rao bán 01 chiếc túi xách nhãn hiệu Hermes Kelly 20 Beton trên mạng xã hội WhatApp nên nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị D1 thông qua việc mua bán chiếc túi xách này. Trinh trao đổi với chị T4 qua phần mềm V1 và bảo chị T4 gửi ảnh chụp chiếc túi kèm hóa đơn mua hàng để T rao bán cho khách, đồng thời mặc cả giá mua chiếc túi trên với chị T4 là 78.000 USD, chị T4 đồng ý và gửi hình ảnh cho T. Sau khi có được ảnh chụp thực tế và hóa đơn của chiếc túi, T nói với chị D1 là đang có người rao bán chiếc túi Hermes Kelly 20 Beton với giá rẻ, nếu mua để bán lại sẽ có lời. Trinh gửi ảnh chiếc túi kèm hóa đơn mua hàng cho chị D1 và T nói dối là trước đó đã mua một chiếc túi xách tương tự nhưng màu đen với giá 65.000 USD, đã bán lại được 73.000 USD, lãi 8.000 USD. Trinh nói dối là đã mặc cả mua được chiếc túi trên với giá rẻ nhất là 68.000 USD, có người đã trả giá 72.000 USD nhưng T không bán, nếu chị D1 mua thì T để lại với giá 68.000 USD, quy đổi theo tỷ giá đô la Mỹ ngày hôm đó là 1.625.000.000 đồng và từ 10 đến 12 ngày sau chị D1 sẽ nhận được túi xách, tin là thật nên chị D1 đồng ý mua. T thỏa thuận với chị D1 là T sử dụng toàn bộ số tiền bán 11 chiếc túi trước đó là 770.000.000 đồng và số tiền vay là 715.000.000 đồng để mua chiếc túi Hermes Kelly 20 B và chị D1 phải trả thêm cho T số tiền 140.000.000 đồng, chị D1 đồng ý.

Ngày 14/8/2022, đến kỳ T phải thanh toán cho chị D1 số tiền 720.000.000 đồng (là tiền T bán một số chiếc túi xách khác trước khi nhận 11 chiếc túi xách nêu trên), T chỉ trả cho chị D1 580.000.000 đồng và nói với chị D1 là giữ lại 140.000.000 đồng chị D1 còn thiếu tiền mua túi xách Hermes Kelly 20 Beton, chị D1 đồng ý. Sau đó, T không thực hiện việc mua túi xách như cam kết mà sử dụng tiền chiếm đoạt của chị D1 để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Khi đến hẹn, không thấy T giao chiếc túi xách nhãn hiệu Hermes Kelly Beton 20, chị D1 hỏi thì T thừa nhận bị vỡ nợ, không có tiền mua túi xách cho chị D1 nên ngày 20/9/2022, chị D1 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H gửi đơn tố cáo Nguyễn Thị Mai T có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Ngoài ra, ngày 15/8/2022 chị D1 đưa cho T 09 chiếc túi xách và 01 dây chuyền vàng nhờ bán hộ với tổng số tiền 936.000.000 đồng. Sau đó, T bán những chiếc túi trên với giá thấp hơn giá thỏa thuận với chị D1, số tiền bán túi xách và dây chuyền T dùng để trả nợ. Đến nay T vẫn chưa trả cho chị D1 số tiền bán túi

xách và dây chuyền vàng.

Tại bản Kết luận định giá số 228/KL-HĐĐGTS ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự - UBND quận T, thành phố Hà Nội, kết luận:

+ 01 chiếc túi xách nhãn hiệu Chanel hộp nhỏ đã qua sử dụng và chưa thu hồi được, trị giá: 35.000.000 đồng.

+ 01 chiếc túi xách nhãn hiệu Chanel Gabrielle da trăn đã qua sử dụng và chưa thu hồi được, trị giá: 100.000.000 đồng.

+ 01 chiếc túi xách nhãn hiệu Chanel dây ngọc trai trắng đã qua sử dụng và chưa thu hồi được, trị giá: 65.000.000 đồng.

+ 01 chiếc túi xách nhãn hiệu Chanel hình tròn nhũ đã qua sử dụng và chưa the hồi được, trị giá: 50.000.000 đồng

+ 01 chiếc túi Clutch nhãn hiệu Chanel tua rua đã qua sử dụng và chưa thu hồi được, trị giá: 80.000.000 đồng.

+ 01 chiếc túi Chutch nhãn hiệu Jimmy Choo đã qua sử dụng và chưa thu hồi được, trị giá: 10.000.000 đồng.

+ 01 chiếc túi xách nhãn hiệu Chanel Mini 8 da trăn đã qua sử dụng và chưa thu hồi được, trị giá: 80.000.000 đồng.

+ 01 chiếc túi xách nhãn hiệu Chanel hình tròn dạ màu ghi đã qua sử dụng và chưa thu hồi được, trị giá: 40.000.000 đồng.

+ 01 chiếc túi xách nhãn hiệu Chanel đựng card đã qua sử dụng và chưa thu hồi được, trị giá: 40.000.000 đồng.

+ 01 chiếc túi xách nhãn hiệu Chanel Boy da trăn đã qua sử dụng và chưa thu hồi được, trị giá: 80.000.000 đồng.

+ 01 chiếc túi xách nhãn hiệu Chanel Boy vảy cá đã qua sử dụng và chưa thu hồi được, trị giá: 80.000.000 đồng.

Tại Biên bản kiểm tra điện thoại của Nguyễn Thị Mai T thể hiện có việc trao đổi mua bán chiếc túi Hermes Kelly 20 Beton giữa chị D1 và T.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị Mai T khai trước ngày 09/8/2022 T đã nhận của chị D1 11 chiếc túi xách, T đã bán hết 11 chiếc túi trên nhưng chưa trả tiền cho chị D1, tổng số tiền bán túi còn nợ là 770.000.000 đồng. Thời gian này T làm ăn bị thua lỗ, nợ tiền của nhiều người nên phải cần tiền để trả nợ. Ngày 09/8/2022, T hỏi vay chị D1 700.000.000 đồng và tự đưa ra mức lãi suất là 15.000.000 đồng/2 ngày và được chị D1 đồng ý. Ngày 10/8/2023, đến hạn phải trả nợ số tiền 700.000.000 đồng tiền vay lãi cho chị D1, T không có tiền để trả nợ nên nảy sinh ý định kéo dài thời gian trả nợ số tiền trên. T nhắn tin với một người phụ nữ tên T4 (tài khoản Facebook "Thuy Germany", hiện đang sinh sống tại CHLB Đ), để hỏi mua chiếc túi xách Hermes Kelly 20 Beton và bảo chị T4 gửi ảnh chụp thực tế của túi và hóa đơn mua hàng cho T để T rao bán cho khách đồng thời mặc cả giá mua túi là 78.000 USD. Sau đó, T đã gửi ảnh chụp thực tế và hóa

đơn mua hàng của chiếc túi này cho chị D1 và nói có người bán chiếc túi trên với giá rẻ, chỉ 68.000 USD nhưng T không có tiền để mua và đề xuất chị D1 để T sử dụng số tiền còn nợ mua chiếc túi trên giao cho chị D1 trong thời gian từ 10 - 12 ngày và được chị D1 đồng ý. Ngày 14/8/2022, đến hẹn T phải trả chị D1 720.000.000 đồng tiền bán túi trước đó nên T chỉ trả chị D1 580.000.000 đồng, còn lại T báo với chị D1 là trừ luôn tiền mua túi còn thiếu là 140.000.000 đồng. Ngày 20/8/2022, Chị D1 hỏi thì T thừa nhận là bị vỡ nợ, không có tiền mua túi đề giao cho chị D1. Về số tiền bán túi và tiền vay của chị D1, T khai sử dụng một phần để trả nợ các khoản vay trước đó của chị D1 và một số người khác, một phần sử dụng để tiêu xài cả nhân.

Ngoài ra, bị can Nguyễn Thị Mai T khai ngoài số tiền 700.000.000 đồng vay ngày 09/8/2022, T còn vay của chị D1 một số khoản tiền khác theo ngày và theo tháng với lãi suất cao. Chị Nguyễn Thị Ngọc D1 khai không cho T vay các khoản vay lãi theo ngày nhưng có cho T vay 04 khoản vay trả lãi theo tháng gồm: 1.000.000.000 đồng, 800.000.000 đồng, 500.000.000 đồng, 400.000.000 đồng và không nhớ lãi suất các lần cho vay; đối với các số tiền T chuyển khoản và trình bày là tiền trả lãi, chị D1 khai là tiền bán túi T trả cho chị D1.

Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa T và chị D1, cả T và chị D1 đều giữ nguyên lời khai của mình.

- Quá trình điều tra xác định như sau:

+ Ngày 09/8/2022, chị D1 cho T vay 700.000.000 đồng, lãi suất T đưa ra là 15.000.000 đồng/2 ngày (tương đương 391%/năm) có dấu hiệu cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự; tuy nhiên đây là mức lãi suất do T đưa ra để chị D1 cho T vay tiền sau đó chiếm đoạt số tiền vay này của chị D1 và chị D1 chưa nhận được tiền lãi từ khoản vay này nên Cơ quan điều tra không đề cập vấn đề xử lý đối với chị D1.

+ Các khoản vay lãi theo tháng gồm: 1.000.000.000 đồng ngày 07/6/2022, 800.000.000 đồng ngày 11/6/2022, 400.000.000 đồng ngày 10/7/2022, 500.000.000 đồng ngày 01/8/2022 và các khoản vay lãi theo ngày do T khai gồm: 500.000.000 đồng ngày 04/8/2022, 500.000.000 đồng ngày 07/8/2022, 700.000.000 đồng ngày 12/8/2022, 500.000.000 đồng ngày 14/8/2022. Quá trình điều tra xác định ngoài lời khai của T thì không có tài liệu, căn cứ chứng minh được lãi suất và số tiền thu lời bất chính đối với các khoản vay này, vì vậy không đủ căn cứ để cơ quan điều tra xử lý chị D1 về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- Đối với việc chị Nguyễn Thị Ngọc D1 nhờ Nguyễn Thị Mai T bán hộ 09 chiếc túi xách và 01 sợi dây chuyền vàng sau ngày 15/8/2022, quá trình điều tra xác định đây là quan hệ dân sự giữa T và chị D1 nên Cơ quan điều tra không đề cập vấn đề xử lý trong vụ án này.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 448/2024/HSST ngày 14/8/2024 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

- Tuyên bố: Nguyễn Thị Mai T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng: Điểm a khoản 4 điều 174; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Thị Mai T 13 (mười ba) năm tù. Hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106; Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Mai T phải bồi thường cho cho chị Nguyễn Thị Ngọc D1 số tiền 1.610.000.000 (một tỷ, sáu trăm mười triệu) đồng. Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/8/2024, bị cáo Nguyễn Thị Mai T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án đề nghị xem xét lại tội danh và số tiền bị cáo phải khắc phục vì cho rằng không lừa dối bị hại. Tiền thanh toán mua hàng và tiền trả lãi vay đã trả cho bị hại đã vượt quá số tiền chiếm đoạt của bị hại.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX xem xét: Chưa đủ cơ sở xác định bị cáo đưa ra thông tin gian dối đối với chị D1; chưa có đối chất giữa chị T4 và T để xác định thông tin mua bán túi giữa chị T4 và T; đề nghị xem xét lại tội danh của bị cáo, hành vi của bị cáo có dấu hiệu của tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", không phải là tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định, hình thức nội dung phù hợp nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Xét nội dung kháng cáo: Bị cáo đã mất khả năng thanh toán nên tìm cách chiếm đoạt tiền của bị hại. Bị cáo đưa thông tin về việc mua túi với giá 68.000 USD nhưng thực ra người bán túi chỉ đồng ý bán giá 78.000 USD và cũng không có ai đặt mua bị cáo với giá 72.000 USD. Những thông tin bị cáo đưa ra cho bị hại là gian dối, số tiền nhận từ bị hại không chuyển cho người bán túi mà trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Số tiền bị cáo chiếm đoạt lớn chưa bồi thường cho bị hại, phần hình phạt Toà án cấp sơ thẩm quyết định đã phù hợp. Bị cáo kháng cáo không có tình tiết mới. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Mai T trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Trong vụ án, bị hại kháng cáo quá hạn, Hội đồng xét kháng cáo không chấp nhận kháng cáo quá hạn. Bị cáo kháng cáo với nội dung kêu oan, Tòa án triệu tập hợp lệ bị hại nhưng bị hại vắng mặt không có lý do. Xét thấy, lời khai của bị hại đã đầy đủ trong hồ sơ vụ án nên HĐXX xét xử vắng mặt bị hại.

Tại phiên toà bị cáo và người bào chữa do bị cáo mời vắng mặt không có lý do chính đáng. Tuy nhiên, Toà án đã chỉ định người bào chữa cho bị cáo theo quy định pháp luật. Căn cứ Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, Toà án xét xử vắng mặt bị cáo và công bố các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử đánh giá hành vi bị cáo đã thực hiện: Nguyễn Thị Mai T và chị Nguyễn Thị Ngọc D1 có mối quan hệ mua bán túi xách hàng hiệu đã qua sử dụng. T nợ chị D1 1.625.000.000 đồng; bị cáo xác nhận qua tin nhắn giữa bị cáo và chị D1 (BL 541,564) và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo cũng thừa nhận. Số tiền nợ này, T đã dùng để trả nợ và chỉ tiêu cá nhân.

[2.1] Khoảng tháng 8/2022, do biết được thông tin một phụ nữ tên T4 (sống tại Đức) đang rao bán túi Hermes Kelly 20 Beton, T đã dùng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin với chị D1 là có người đang giao bán túi Hermes Kelly 20 Beton, T đã mặc cả mua được với giá rẻ là 68.000 USD, có người đã trả 72.000 USD nhưng T không bán, nếu chị D1 mua thì T để lại với giá 68.000 USD tương đương với 1.625.000.000 đồng tiền V, trừ vào khoản tiền T còn nợ chị D1. Để chị D1 tin tưởng T đã liên hệ với chị T4 là chủ sở hữu chiếc túi trên giả vờ mặc cả mua túi của chị T4 với giá 78.000 USD để chị D1 gửi hình ảnh túi và hóa đơn mua hàng. Trinh gửi ảnh và hóa đơn cho chị D1. Chị D1 đã tin tưởng và đồng ý mua với giá 68.000 USD và trừ vào khoản tiền bị cáo còn nợ.

[2.2] Trong tổng số tiền 1.625.000.000 đồng Trinh còn nợ chị D1 thì có khoản tiền 700 triệu đồng là tiền vay và 15 triệu đồng tiền lãi. Thực tế chị D1 xác nhận chỉ chuyển cho bị cáo vay 700 triệu đồng, số tiền 15 triệu đồng là tiền do bị cáo tự đề xuất trả lãi cho chị D1; vì vậy xác định số tiền bị cáo chiếm đoạt của chị D1 chỉ là 1.610.000.000 đồng.

[2.3] Bị cáo cho rằng việc bị cáo mua túi Hermes K1 20 Beton của chị T4 là có thật nhưng do khách quan không lấy được túi trả chị D1, bị cáo không có hành vi gian dối lừa chị D1. Tuy nhiên căn cứ vào lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra là tại thời điểm này bị cáo vay nợ của nhiều người nên mất khả năng thanh toán, không có tiền lấy túi, phù hợp với việc bị cáo thỏa thuận mua túi của chị T4 với giá 78.000 USD mà lại bán cho chị D1 với giá thấp hơn là 68.000 USD. Đồng thời, bị cáo không có giao dịch với người nào đặt mua chiếc túi với giá 72.000 USD, nên có đủ căn cứ khẳng định việc nhận tiền để mua túi Hermes Kelly 20 Beton là nhằm chiếm đoạt tiền của chị D1. Ngoài ra bị hại là chị D1 còn cung cấp

tài liệu là tin nhắn giữa chị D1 với chị T4 thì chị T4 xác nhận không bán túi cho T. Hơn nữa hành vi của bị cáo đã diễn ra nhiều lần, đều mua túi với giá cao và bán túi với giá thấp. Có chiếc túi bị cáo vừa mua chị D1, nhưng không bán lại cầm cố chiếc túi cho chị T3. Khi bị phát hiện mới đem bán cho người khác với giá thấp hơn. Vì vậy ý kiến trình bày của bị cáo tại đơn kháng cáo rằng không có ý định chiếm đoạt tiền của chị D1 là không có căn cứ chấp nhận.

[2.4] Người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa cho rằng, giữa chị D1 và bị cáo có quan hệ mua, bán túi xách và vay mượn nên việc chuyển tiền giữa hai bên nếu có thì số tiền 1.610.000.000 đồng bị cáo nợ chị D1 có thể là hành vi "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" chứ không phải tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tuy nhiên như đã phân tích ở mục [2.3] bị cáo đã mất khả năng thanh toán, các thông tin đưa ra để nhận tiền của bị hại mua túi đều không đúng, mục đích chiếm đoạt phù hợp với việc nhận tiền như chi tiêu cá nhân và trả nợ. Vì vậy, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa là không có cơ sở chấp nhận.

[2.5] Đánh giá hành vi bị cáo đã thực hiện, Hội đồng xét xử xác định, Tòa án cấp sơ thẩm có căn cứ khi xét xử bị cáo Nguyễn Thị Mai T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Đánh giá tính chất mức độ hành vi bị cáo đã thực hiện, nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ và hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định đối với bị cáo:

[3.1] Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác với số lượng lớn, gây mất trật tự trị an xã hội cần phải được xử lý nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[3.2] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không thành khẩn nên không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ. Nhân thân bị cáo có 01 án tích năm 2016 đã được xóa án, bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo chưa bồi thường cho bị hại số tiền chiếm đoạt, mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đối với bị cáo đã phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự, án phí và các quyết định khác: Bị cáo cho rằng đã chuyển tiền quá số tiền chiếm đoạt 1.610.000.000 đồng. Tuy nhiên, những giao dịch giữa bị cáo và bị hại là việc mua bán túi và vay nợ, không chứng minh được hành vi cho vay nặng lãi của bị hại với bị cáo. Số tiền mua bán túi bị cáo chiếm đoạt là 1.610.000.000 đồng đã được xác thực bằng tin nhắn sau cùng giữa bị cáo và bị hại, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo về vấn đề này. Các vấn đề khác Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đã phù hợp.

[5] Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có căn cứ, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Mai T; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 448/2024/HS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, như sau:

1.1. Tuyên bố: Nguyễn Thị Mai T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

1.2 Áp dụng: Điểm a khoản 4 điều 174; Điều 38 Bộ luật Hình sự; các điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1.3. Xử phạt: Nguyễn Thị Mai T 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.4. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Mai T phải bồi thường cho cho chị Nguyễn Thị Ngọc D1 số tiền 1.610.000.000 (một tỷ, sáu trăm mười triệu) đồng. Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.5 Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; 60.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị Mai T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ I - TANDTC;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu: P. HCTP, HSVA./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Tiến